

Bản án số: **28/2018/DS-ST**

Ngày: 09.7.2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ – TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Quốc Cường**

Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Nhị Tứ** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2018/TLST-DS ngày 23/01/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐDS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 48/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty A ; Trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà Ree, số 09 đường Đoàn Văn Bơ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật ông Lô Bằng G - Chức vụ: Chủ tịch Hội Đồng thành viên. Người đại diện theo ủy quyền ông **Lê Hiền T** - Chức vụ: Trưởng Phòng Thu Hồi Nợ Pháp Lý kiêm Quản Lý Pháp Chế cho Phòng An Ninh và Phòng Kiểm soát Gian lận, Phòng Thu Hồi Nợ Pháp Lý, Trung Tâm Thu Hồi Nợ - Khối Tín dụng tiêu dùng - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo văn bản ủy quyền số 14/2017/UQ-QTRR.17 ngày 22/3/2017. Ông Lê Hiền T ủy quyền lại cho ông Đào Ngọc T, sinh năm 1997 và ông Trương Ngọc Á sinh năm 1981. Trú cùng địa chỉ: Số 353 đường Nguyễn Tri Phương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền không số /2018/UQ-GĐK-TDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2018). Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu B**, sinh năm:1982; Địa chỉ: K411/3 đường Nguyễn Phước N, tổ 75 phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2018 và tại phiên đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:* Ngày 22/5/2015 ông Nguyễn Hữu B và Công ty A có ký một hợp đồng tín dụng số 0000072(số nội bộ 201050513-500000-0030) theo đơn đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng do ông Nguyễn Hữu B lập ngày 07/5/2015 với số tiền vay là 21.100.000đ (*Hai mươi một triệu, một trăm ngàn đồng*) để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất vay theo thỏa thuận 5%/tháng, phương thức thanh toán trong 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.530.000đ (*Một triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng*) bao gồm cả gốc + lãi, tháng cuối cùng 24 trả 2.464.000đ (*Hai triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng*) . Theo thỏa thuận trong hợp đồng ông B phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 37.654.000đ (*Ba mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng*) bao gồm cả gốc và lãi và thời gian thực hiện kể từ 01/7/2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông B đã thanh toán được 24 lần với tổng số tiền gốc và lãi là 18.360.000đ (*Mười tám triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng*) tính đến ngày 06/6/2016. Kể từ ngày 07/6/2016 cho đến nay ông B không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận mặc dù đã được nhắc nhở.

Nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ông Nguyễn Hữu B còn nợ số tiền gốc vay là: 14.080.692đ (*Mười bốn triệu, không trăm tám mươi ngàn đồng đồng*) và lãi vay theo thỏa thuận 5.213.308đ (*Năm triệu, hai trăm mười ba ngàn, ba trăm không tám đồng*), đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A số tiền cả gốc và lãi là 19.294.000đ (*Mười chín triệu, hai trăm chín mươi ngàn đồng*) và trả một lần trong thời gian sớm nhất

** Bị đơn ông Nguyễn Hữu B* mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ song trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông vắng mặt không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không gửi kèm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án coi như ông B không không có ý kiến phản đối gì với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

** Về thủ tục tố tụng:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đảm bảo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự quy định.

** Về nội dung:* Xét quan hệ hợp đồng tín dụng giữa Công ty A và ông Nguyễn Hữu B là hợp pháp, tuy bị đơn trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa vắng mặt song tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn gửi kèm theo đơn khởi kiện, Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết và bị đơn không có văn bản ghi ý kiến phản hồi coi như là thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ

phù hợp với quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 468 và 470 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu B phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Công ty A số tiền 19.294.000đ (*Mười chín triệu, hai trăm chín tư ngàn đồng*)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

* **Về thủ tục tố tụng:** [1] Bị đơn ông Ông Nguyễn Hữu B đã được Tòa án thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS năm 2015 HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

* **Về nội dung:** [2] Tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa là đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 0000072(số nội bộ 201050513-500000-0030) do ông Nguyễn Hữu B ký ngày 07/5/2015 được bên cho vay Công ty A phê duyệt ngày 22/5/2015, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan mà trong quá trình các bên thực hiện hợp đồng tín dụng nói trên tính đến ngày 06/6/2016 bị đơn ông B còn nợ lại nguyên đơn số tiền cả gốc lẫn lãi là:19.294.000đ (*Mười chín triệu, hai trăm chín tư ngàn đồng*), các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được thể hiện tại hồ sơ vụ án ông bình đã được Tòa án thông báo hợp lệ, song ông không có ý kiến phản bác là coi như ông thừa nhận, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, căn cứ vào Điều 92 BLTTDS Tòa án công nhận quan hệ pháp luật dân sự nêu trên là sự thật.

[3] Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông B phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng là 19.294.000đ (*Mười chín triệu, hai trăm chín tư ngàn đồng*) Trong đó nợ tiền gốc vay đến hạn 14.080.692đ (*Mười bốn triệu, không trăm tám mươi ngàn đồng*) và lãi vay theo thỏa thuận 5.213.308đ (*Năm triệu, hai trăm mười ba ngàn, ba trăm không tám đồng*) và trả một lần trong thời gian sớm nhất.

[4] Bị đơn ông B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa coi như ông tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn coi như là ông thừa nhận.

[5] Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bị đơn ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện là đúng pháp luật, do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là chính đáng phù hợp với các Điều 463,466, 468 và Điều 470 BLDS năm 2015 nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn như đề nghị của đại viện VKS nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa để buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ 19.294.000đ (*Mười chín triệu, hai trăm chín tư ngàn đồng*). Trong đó nợ tiền gốc vay đến hạn 14.080.692đ (*Mười bốn triệu, không trăm tám mươi ngàn đồng*) và lãi vay theo thỏa thuận 5.213.308đ (*Năm triệu, hai trăm mười ba ngàn, ba trăm không tám đồng*) và trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[6] Về án phí DSST bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật là 19.294.000đ x 5% = 964.700đ.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án DSST 433.000đ đã nộp theo biên lai thu số 007992 ngày 23.01.2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào Điều 92 và các Điều 227, 228 BLTTDS.

* Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 BLDS năm 2015.

* Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

* Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu B phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho nguyên đơn Công ty A số tiền **19.294.000đ** (*Mười chín triệu, hai trăm chín tư ngàn đồng*) Trong đó nợ tiền gốc vay **14.080.692đ** (*Mười bốn triệu, không trăm tám mươi ngàn đồng*) và lãi vay theo thỏa **5.213.308đ** (*Năm triệu, hai trăm mười ba ngàn, ba trăm không tám đồng*) và trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí DSST 964.700đ ông Nguyễn Hữu B phải chịu.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án DSST 433.000đ đã nộp theo biên lai thu số 007992 ngày 23.01.2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn và bị đơn đọc biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Ngời tham gia tố tụng
- Viện KSND quận Thanh Khê
- THA DS quận Thanh Khê
- Lu Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Vĩnh Chuyển